

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thương

Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Trang, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu P, Phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị Ttrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, chị và T chung sống tại gia

đình chồng tại khu P, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm tới vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi làm xa nhà. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Cuối năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về để đoàn tụ. Chị và anh T đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành, hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở; vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Khánh A, sinh ngày 04/12/2015. Khi ly hôn, chị nhận nuôi con; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, anh T đã nhận trực tiếp nhưng anh T không cung cấp lời khai cũng như không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Trang.

Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2018, xác định: Hiện tại anh T vẫn cư trú tại nhà bố mẹ đẻ ở khu P, phường Đ, quận D. Chị T và anh T trong quá trình chung sống tại khu dân cư có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Hiện tại chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường T, vợ chồng sống ly thân.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vì lý do có công việc đột xuất nên đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh T. Về con chung, do con chung đang ở với chị nên chị tiếp tục có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con. Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Trang, giao con chung cho chị T nuôi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung vợ chồng, chị T và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Tcó đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với anh T cư trú tại phường Đ, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi Văn T đã được Tòa án nhân dân quận D đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 12/10/2018 và tổng đạt trực tiếp cho anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt; bên cạnh đó, chị Tcó công việc đột xuất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Trang.

- *Về quan hệ hôn nhân:*

[3] Chị Bùi Thị Tvà anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống, chị Tvà anh T có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên đi làm xa, không có sự quan tâm tới vợ con và gia đình, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được; năm 2017, chị Tđã có đơn ly hôn anh T song sau đó rút đơn để vợ chồng có cơ hội hòa giải. Tuy nhiên sau khi về chung sống hai bên vẫn không giải quyết được mâu thuẫn và hiện nay cả hai đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau vì vậy chị Tlại tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt để hòa giải. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tvà anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu

cầu của chị Tvề việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:*

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, chị Tcó nguyện vọng nuôi con và có công việc và thu nhập ổn định; mặt khác, con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Bùi Khánh A, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Ttrực tiếp nuôi theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị Tvà anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:*

[6] Chị Tvà anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí:*

[7] Chị Tlà nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[8] Chị Tvà anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Tvà anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tnuôi con chung là Bùi Khánh A, sinh ngày 04/12/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Tphải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0014500 ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Tđã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị Trang, anh Bùi Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND t hành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Đ, quận D, HP (số 40/2015);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung